

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Dũng

Bà Đặng Thị Lan Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Phòng xét xử số 2, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1981, cư trú tại: Đường V, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn H, sinh năm 1973, cư trú tại: Đường V, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2020 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị với anh Ngô Văn H chung sống vợ chồng cùng nhau từ tháng 02 năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên hai bên đã không đi đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống do quan điểm, lối sống, tính cách khác biệt nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, thậm chí đánh đập nhau và anh chị đã sống ly thân nhau gần 01 năm nay, hai bên không còn sự quan tâm đến

nhau. Nay chị Trần Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn H. Vợ chồng chung sống với nhau có hai con chung là cháu Ngô Thị Ánh N, sinh ngày 11/12/1998, cháu Ngô Văn Tuấn A, sinh ngày 11/4/2004. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Văn Tuấn A đến khi con trưởng thành, chị không yêu cầu anh Ngô Văn H cấp dưỡng nuôi con, cháu Ngô Thị Ánh N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình chung sống chị và anh Ngô Văn H không có tài sản chung, không có nợ ai, không cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Ngô Văn H trình bày: Anh và chị Trần Thị T về chung sống với nhau từ đầu năm 1998. Trước khi về chung sống với nhau anh chị có được tìm hiểu, nhưng không đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đến năm 2010 chuyển về sống tại đường V, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống, trong sinh hoạt hàng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Năm 2014, anh đã gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án thành phố Lạng Sơn, do con còn nhỏ nên anh chị lại quay về đoàn tụ. Sau khi về đoàn tụ vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng hiện nay vẫn sống chung một nhà nhưng việc ai người đó làm, khác nấu ăn riêng, sinh hoạt riêng, không quan tâm gì đến nhau nữa, vợ chồng sống ly thân không quan hệ vợ chồng. Nay vợ chồng không còn tình cảm, chị Trần Thị T xin ly hôn, anh nhất trí.

Vợ chồng có 02 con chung, nếu ly hôn, anh Ngô Văn H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Văn Tuấn A, sinh ngày 11/4/2004 đến khi con trưởng thành, không yêu cầu chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con, cháu Ngô Thị Ánh N, sinh ngày 11/12/1998 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có.

Tại phiên tòa chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H yêu cầu được ly hôn, anh Ngô Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Ngô Văn Tuấn A, sinh ngày 11/4/2004 đến khi trưởng thành, chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Ngô Văn H không yêu cầu; cháu Ngô Thị Ánh N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị T, anh Ngô Văn H đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H chung sống vợ chồng cùng nhau từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật, giữa anh chị không phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng, áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H. Về con chung: Căn cứ vào các Điều 15, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận anh Ngô Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Văn Tuấn A, sinh ngày 11/4/2004 đến khi con trưởng thành, chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H không có tài sản chung và nợ chung. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H chung sống vợ chồng cùng nhau từ cuối năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau, có cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên kể từ đó cho đến nay hai người đã không thực hiện việc đi đăng ký kết hôn theo luật định. Cả hai anh chị đều thừa nhận: Vợ chồng sau một thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2014 anh chị đã xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, do con còn nhỏ nên anh chị lại quay về đoàn tụ. Sau khi về đoàn tụ vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được; hai bên sống ly thân nhau đã nhiều tháng nay, không còn có sự quan tâm đến nhau. Chị Trần Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn H. Xét thấy: Do chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H có hai con chung là cháu Ngô Thị Ánh N, sinh ngày 11/12/1998, cháu Ngô Văn Tuấn A, sinh ngày 11/4/2004. Khi ly hôn, chị anh thỏa thuận anh Ngô Văn H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Ngô Văn Tuấn A đến khi con trưởng thành, chị Trần Thị T không cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Ngô Văn H không yêu cầu, cháu Ngô Thị Ánh N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện phù hợp với các quy định của pháp luật, hơn nữa con chung Ngô Văn Tuấn A có nguyện vọng được bố Ngô Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên áp dụng khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh Ngô Văn H nuôi dưỡng, chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Ngô Văn H không yêu cầu. Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Trong quá trình chung sống chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước. Ngày 16 tháng 4 năm 2020, chị Trần Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002196 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Ngô Văn H (do không đăng ký kết hôn).

2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Anh Ngô Văn H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Ngô Văn Tuấn A, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2004 đến khi cháu Ngô Văn Tuấn A đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Ngô Văn H không yêu cầu. Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước. Ngày 16 tháng 4 năm 2020, chị Trần Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002196 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Lan